

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

AMONIAC DUNG DỊCH



Số CAS: 7664-41-7
Số UN: 1005
Số đăng ký EC: 215-647-6

PHẦN I - NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Ammonia solution
- Tên thương mại: Ammonia water
- Tên khác: Amoniac nước, dung dịch nước amoniac, amoniac Aqua.

Tên nhà cung cấp, địa chỉ:
Tên công ty: CÔNG TY CP XNK HOÁ CHẤT VÀ THIẾT BỊ KIM NGŨU
VPGD 1: Số 85 Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.
VPGD 2: Số 215 Nguyễn Khoái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Số ĐT: + 84.4.39842258 Số fax: + 84.4.39842256
Địa chỉ e-mail: sales@vietchem.com.vn
Website: www.vietchem.com.vn và www.hoachat.com.vn

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:
Tên công ty: CÔNG TY CP XNK HOÁ CHẤT VÀ THIẾT BỊ KIM NGŨU
VPGD 1: Số 85 Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.
VPGD 2: Số 215 Nguyễn Khoái, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Số ĐT: + 84.4.39842258 Số fax: + 84.4.39842256
Địa chỉ e-mail: sales@vietchem.com.vn
Website: www.vietchem.com.vn và www.hoachat.com.vn

- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

- Mục đích sử dụng: Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các quy trình sản xuất công nghiệp.

PHẦN II - THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Ammonium hydroxide	7664-41-7	NH ₄ OH	<i>Không bắt buộc ghi chính xác, xem ghi chú</i>

PHẦN III - NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm

- Độc tính cấp tính - đường hô hấp.
- Độc hại đối với sinh sản.
- Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc lặp lại)

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)



Các từ tín hiệu: Nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm

Các nguy hại thể chất

Các nguy hại sức khỏe

- Tùy vào mức độ trầm trọng của sự ngộ độc và sự cứu chữa kịp thời, nạn nhân có thể bình phục hoàn toàn hoặc bị mù vĩnh viễn, rối loạn thị giác và/ hoặc chấn động hệ thần kinh.

- Tiếp xúc với da, kích ứng da vừa phải, có thể ngấm vào da và gây ra các tổn thương nguy hiểm (tổn thương tương tự như ở đường hô hấp).

- Nuốt cho dù chỉ một lượng nhỏ chất cũng có thể gây mù

- Tiếp xúc lặp lại qua hít thở hoặc ngấm qua da có thể gây ngộ độc, rối loạn não, tổn thương thị lực và mù. Hít phải khí có thể làm trầm trọng thêm tình trạng sức khỏe ví dụ bệnh khí thũng và bệnh viêm cuống phổi.

Ngăn ngừa

- Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa / trên các bề mặt nóng.

- Không hút thuốc lá.

- Thùng chứa luôn được đóng chặt.

- Nối dây tiếp đất cho công te nơ và thiết bị tiếp nhận.

- Chỉ sử dụng các thiết bị điện/ thiết bị thông gió/ thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.

- Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.

- Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.

- Tránh vào môi trường có bụi hoặc hơi hoá chất.

- Rửa tay thật kỹ sau khi sử dụng, mang vác, tiếp xúc với hoá chất.

- Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông thoáng.

- Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt phù hợp khi tiếp xúc với hoá chất.

Lưu trữ

- Lưu trữ trong môi trường thông thoáng, mát mẻ.

- Đóng chặt thùng chứa.
- Khóa kho cẩn thận

Thải bỏ

- Sản phẩm thải loại và phương tiện chứa phải được tồn chứa ở nơi thích hợp hoặc thu hồi/ tái chế theo đúng các quy định của địa phương/ quốc gia.

Tình trạng sức khỏe trầm trọng hơn

- Bệnh lý sẵn có của (hệ thống) các cơ quan trong cơ thể dưới đây có thể trầm trọng hơn khi có sự tiếp xúc với vật liệu này: bệnh khí thũng và viêm cuống phổi.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

Đường mắt

- Gây kích ứng ở mức độ từ nhẹ đến vừa. nồng độ hơi cao hoặc bị chất ở dạng lỏng dây vào mắt sẽ gây kích ứng, chảy nước mắt và bỏng rát. Nồng độ trong không khí vượt quá 1000 ppm có thể kích ứng niêm mạc.

Đường hô hấp

- Hít phải khí ở nồng độ cao có thể kích ứng niêm mạc, gây nhức đầu, buồn ngủ, buồn nôn, lẫn lộn, bất tỉnh, rối loạn tiêu hóa và thị giác, thậm chí dẫn đến tử vong.

Đường da

- Các dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác bỏng rát và/ hoặc da khô/ nứt nẻ.

Đường tiêu hóa

- Gây đau bụng, nôn ói và rối loạn thị giác ở mức độ từ mờ mắt đến dị ứng nhẹ.

PHẦN IV – BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

- Thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút trong khi giữ cho mí mắt hở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

- Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm da vào nước sạch trong ít nhất 15 phút, sau đó rửa cùng với xà phòng nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và/ hoặc phỏng rộp, chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở)

- Ngay lập tức chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo. Giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm)

- Nuốt phải có thể gây nguy hiểm đến tính mạng. Các triệu chứng rõ rệt có thể không xuất hiện suốt 18 tới 24 giờ sau khi nuốt. Nếu bất tỉnh và không có phương tiện y tế tức thời, không kích thích gây nôn. Trong những trường hợp nghi ngờ nuốt phải, chuyển đến trung tâm y tế ngay lập tức.

PHẦN V – BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: Sản phẩm không có tính cháy

2. Các mối nguy hại cụ thể phát sinh từ hóa chất: Khói tạo ra từ cháy không thể nhìn thấy bằng mắt thường. các khí có thể tích tụ trong không gian kín gây ngộ độc và nguy cơ cháy. thùng chứa đóng kín có thể bị nứt vỡ và giải phóng lượng lớn khí cháy hoặc ở nhiệt độ cao trong một khoảng thời gian dài. Hơi này hơi nặng hơn không khí, lan rộng trên mặt đất đến các nguồn gây cháy nổ.

3. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không có

4. Các tác nhân gây cháy, nổ: không có

5. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

- Bột chống cháy, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa. Giải tán những người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.

6. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

- Mang đầy đủ quần áo bảo vệ và dụng cụ thở có ôxy. Khi chữa cháy trong không gian kín phải dùng các thiết bị bảo hộ thích hợp, bao gồm cả mặt nạ phòng độc.

7. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ

- Tất cả các khu vực cất chứa đều phải trang bị các phương tiện chống cháy thích hợp. Làm mát cho các dụng cụ chứa lân cận bằng cách phun nước.

PHẦN VI - BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Đối với lượng hóa chất bị đổ ít, vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn, vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn với nước. Giữ lại những chất thải ô nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

PHẦN VII - YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các phương tiện bảo vệ cá nhân, xem Phần VIII của Phiếu An Toàn Hóa Chất này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Tránh hít phải khí và/hay sương. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Tích tụ tĩnh điện có thể phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục của dòng điện bằng cách nối và tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế tốc độ tuyến trong khi bơm để tránh phát sinh hiện tượng phóng điện ($\leq 10\text{m/giây}$). Tránh để bắn tung tóe khi tiếp (bơm). Không sử dụng khí nén để tiếp (bơm), hút, hay xử lý tác nghiệp. Giữ cho nhiệt độ của thiết bị bơm bằng với nhiệt độ môi trường xung quanh.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Khí thoát trong khi dự trữ phải được kiểm soát bởi hệ thống xử lý khí thoát thích hợp. Phải được cất chứa trong khu vực thông gió tốt, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Đóng chặt dụng cụ chứa khi không sử dụng. Không sử dụng khí nén để đổ đầy, tháo ra hay xử lý. Giữ cho nhiệt độ của thùng chứa hóa chất bằng với nhiệt độ môi trường xung quanh.

3. Lời khuyên về thùng chứa

- Khan không ăn mòn hầu hết kim loại ở nhiệt độ thường trừ chì, mạ kền, gang, và sắt có độ silicon cao. Lớp bọc ngoài là đồng, zinc hoặc nhôm không phù hợp để đựng chất này. Các thùng chứa, thậm chí cả những thùng đã đổ hết hóa chất ra ngoài, có thể chứa các khí dễ nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hay thực hiện các thao tác tương tự gần các thùng chứa.

PHẦN VIII- TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp

Thông tin bổ sung - Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc và đi vệ sinh.

2. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

- Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Tạo sự thông gió phù hợp trong các khu vực cất trữ. Sử dụng các hệ thống được lắp càng kín càng tốt. Sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí ở dưới hướng dẫn/ giới hạn sự tiếp xúc. Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ.

3. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc: Trang bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).

Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất đối với vật liệu này.

Bảo vệ tay: Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày của găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Khi tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Cao su nitril, PVC viton. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho công việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay.

Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.

Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo hộ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Chọn một bộ lọc phù hợp cho các khí và hơi hữu cơ thỏa mãn EN141. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxy, không gian hạn chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất.

4. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Găng tay, ủng chống hoá chất, mặt nạ phòng hơi độc, kính bảo vệ mắt, quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất.

5. Các biện pháp vệ sinh: Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không có mùi thơm để rửa tay.

6. Phương pháp theo dõi: Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm

cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia. Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích <http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html> Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích <http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html>. Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại <http://hls.gov.uk/search.html>

PHẦN IX - ĐẶC TÍNH HÓA LÝ CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng lỏng	Điểm sôi (°C): 100 ° C
Màu sắc: là chất lỏng không màu	Điểm nóng chảy (°C): 0° C
Mùi đặc trưng: mùi amoniac mạnh	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định:
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Nhiệt độ tự cháy (°C):
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):
Độ hòa tan trong nước:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):
Độ PH:	Tỷ lệ hoá hơi:
Khối lượng riêng (kg/m³): 18.02g/mol	Trọng lượng phân tử:

PHẦN X - MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- 1. Tính ổn định:** Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường.
- 2. Khả năng phản ứng:** Phản ứng với cái nguyên tố ôxy hóa mạnh và axit mạnh.
- 3. Các điều kiện cần tránh:** Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.
- 4. Các vật liệu không tương thích:** Các nguyên tố ôxy hóa mạnh, các axit mạnh.
- 5. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Sự phân hủy do nhiệt phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện. Một phức hợp của các chất rắn bay trong không khí, các chất lỏng và gas, bao gồm cả ô xít các bon và các hợp chất hữu cơ khác sẽ tiến triển khi vật liệu này trải qua quá trình phân hủy do bị nén hay do nhiệt hoặc ôxy hóa.

PHẦN XI - THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Ammonium hydroxide	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép..	0,5ppm- 1,5 mg/m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Khả năng gây ung thư: Không được phân loại là chất gây ung thư theo IARC, NTP, ACGIH và OSHA

2. Các ảnh hưởng độc khác

Bào mòn / kích ứng da: Kích ứng da vừa phải

Kích ứng mắt: Kích ứng mắt vừa phải

Kích ứng hô hấp: Hít vào hơi hay sương có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Gây nhức đầu, buồn ngủ, buồn nôn, lẫn lộn, bất tỉnh, rối loạn tiêu hóa và thị giác, thậm chí dẫn đến tử vong

Mức độ nhạy cảm: Không là chất nhạy cảm đối với da.

Liều độc tính lặp lại: Có thể gây tổn thương gan nếu tiếp xúc lặp lại hoặc kéo dài. Có thể làm khô da.

PHẦN XII - THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

2. Tác động trong môi trường: nguyên chất hoặc trong nước muối có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thủy sinh.

Mức độ phân hủy sinh học: Dễ phân hủy trong nước và đất đá.

Chỉ số BOD và COD: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học:

Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

Độ linh động: Linh động cao trong đất đá.

Nguy cơ gây tích lũy sinh học: (sẽ được bổ sung khi có thông tin)

PHẦN XIII - YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy:** (sẽ được bổ sung khi có thông tin)
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** (sẽ được bổ sung khi có thông tin)
- 3. Biện pháp tiêu hủy:** (sẽ được bổ sung khi có thông tin)
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** (sẽ được bổ sung khi có thông tin)
- 5. Các cân nhắc việc thải bỏ**

Hủy bỏ vật liệu: Lấy lại hay tái chế nếu có thể. Người thải rác có trách nhiệm xác định độ độc và các tính chất vật lý của rác thải nhằm xác định loại rác cũng như phương pháp thải phù hợp với các quy định được áp dụng. Không nên thải vào môi trường, vào cống nước hay các dòng nước. Sản phẩm thải không được làm nhiễm đất hay nước.

Loại bỏ thùng chứa: Thoát nước toàn bộ thùng chứa. Sau khi rút dung dịch ra, để khô ở nơi an toàn tránh xa tia lửa và ngọn lửa. Phần còn sót lại có thể gây nguy cơ nổ. Không đục, cắt hay hàn những bình chứa chưa sạch. Đưa đến các thùng phuy hay thùng chứa kim loại để trữ lại.

Điều luật địa phương: Các quy định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.

PHẦN XIV - YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa.	1005		Loại: 6.1+ 8 Số hiệu nguy hiểm: 268			

PHẦN XV - QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (theo European Commission)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

- Độc tính cấp tính - đường hô hấp.
- Độc hại đối với sinh sản.
- Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc lặp lại).

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.
- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của
- Luật hóa chất số 06/2007/QH12

Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui

PHẦN XVI - THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 05/03/2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY CP XNK HOÁ CHẤT VÀ THIẾT BỊ KIM NGŨU**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu An Toàn Hoá Chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.